

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để có cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng Vaccin (có danh mục đính kèm) cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng (Địa chỉ: Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên: Bùi Đức Thành; Chức vụ: Trưởng khoa Dược. Số điện thoại: 0987685283. Địa chỉ email: khoaduocctythuyencamgiang@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược; Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng; Địa chỉ: Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Nhận qua email: khoaduocctythuyencamgiang@gmail.com (01 bản scanner PDF có đóng dấu và 01 bản file mềm)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12/06/2025 đến trước 16h ngày 27/06/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12/06/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Vaccin: (Danh mục Vaccin chi tiết đính kèm)

2. Đơn giá nêu trong báo giá của công ty là mức giá bán đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết khác. Hãng sản xuất, nhà cung cấp chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất cung cấp hàng hóa theo đúng đơn hàng và giao hàng tại kho của khoa Dược cho Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau khi hợp đồng ký kết giữa hai bên có hiệu lực thi hành.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trung tâm Y tế thanh

toán cho hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam bằng chuyển khoản, sau 90 ngày, kể từ ngày công ty cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm hợp tác của hãng sản xuất, nhà cung cấp.

Trung tâm Y tế trân trọng thông báo./.

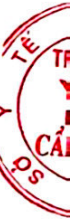
Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (để đăng trên Website SYT);
- Lưu KD.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Thời





PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ KIẾN MUA SẮM

(Kèm theo Thông báo mời chào giá số: 869/TB-TTYYT ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
1	Virus đại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	$\geq 2,5\text{IU}/0,5\text{ml}$	5	Lọ	150
2	Virus đại bất hoạt (chủng Pitman moore, được nhân giống trên tế bào Vero)	$\geq 2,5\text{ IU}/0,5\text{ml}$	5	Lọ	250
3	Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván	10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván/0,5 ml	N5	Lọ	500
4	Virus Rota sống, giảm độc lực typ G1P [8]	$\geq 2\text{ triệu PFU}/2\text{ml}$	N4	Lọ	350
5	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	20mcg/1ml	N5	Lọ	200
6	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết $\geq 95\%$)	10mcg/0,5ml	N5	Lọ	150
7	"Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)"	3mcg/0,5ml	N5	Lọ	100
8	"Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết (chủng SA 14-14-2)"	6mcg/0,5ml	N5	Lọ	800
9	"- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B"	(Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	N2	Liều	2000
10	Kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: chủng A/H1N1 (NYMC X-179A) A/California/07/2009), chủng A/H3N2 (NYMC X-263B), A/Hongkong/4801/2014), chủng B (NYMC BX-35,B/Brisbane/60/2008)	15 mcg; 15 mcg; 15 mcg	N4	Lọ	1000
11	Virus viêm não Nhật Bản cùng Nakayama Thimerosal	Mỗi liều 1ml chứa: Virus viêm não Nhật Bản cùng Nakayama tương đương 1 đơn vị vắc xin mẫu chuẩn quốc gia.		Lọ	2000

IN
NG
T
IY
GI
★

		Thimerosal (nhỏ hơn bằng) 0,12mg/ml TCM -199 không có đồ phenol vd 1ml			
12	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B - 50mcg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C: 50mcg	Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B - 50mcg; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C: 50mcg/ 0,5ml	N5	Lọ	500
13	Measles, Mumps and Rubella Vaccine Live, Attenuated (Freeze-Dried)	Mỗi lọ đơn liều 0.5 ml có chứa: vi rút sởi ≥ 1000 CCUD50; vi rút quai bị ≥ 5000 CCUD50; vi rút rubella ≥ 1000 CCUD50	N5	Lọ	2000
14	BCG sống - đông khô	0,5mg BCG sống đông khô	N4	Lọ	150
15	Giải độc tố uốn ván tinh chế	≥ 40 IU/0,5ml	N4	Ống	500
16	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	1.500IU	N4	Ống	200
17	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên virut viêm gan A tinh khiết	< 100µg	N4	Lọ	200
18	Vắc xin phòng Viêm gan B	20 mcg/1ml	N4	Lọ	3000
19	V.cholerae O1, El Tor, Phil.6973 (bất hoạt bằng formaldehyde) 600E.U. LPS; V.cholerae O139, 4260B (bất hoạt bằng formaldehyde) 600 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng formaldehyde) 300 E.U. LPS; V.cholerae O1, Cairo 50 (bất hoạt bằng nhiệt độ);300 E.U.LPS V.cholerae O1, Cairo 48 (bất hoạt bằng nhiệt độ) 300 E.U.LPS	1.5ml/liều	N4	Lọ	100
20	Vắc xin phòng viêm gan B	20 mcg/1ml	N4	Lọ	80
21	"Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn	"Mỗi bơm tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh tuýp 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh tuýp 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 9V polysaccharid	N1	Hộp	800

	2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg"	phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh tuýp 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg"			
22	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các týp huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các týp huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4		N1	Hộp	600
23	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu ≥ 30 IU; Giải độc tố uốn ván ≥ 40 IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza týp b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	≥ 30 IU; ≥ 40 IU; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	N1	Hộp	700
24	A/Darwin/9/2021 (H3N2)- Like strain (A/Darwin/9/2021,SAN-010) 15 mcg haemagglutinin, A/Victoria/4897/2022(H1N1) pdm09- Like strain (A/Victoria/4897/2022,IVR-238) 15 mcg haemagglutinin, B/Austria/1359417/2021-Like strain (B/Austria/1359417/2021,BVR-26) 15 mcg haemagglutinin B/Phuket/3073/2013- Like strain (B/Phuket/3073/2013, wild type)	15mcg/ chủng/0,5ml/ liều	N1	Hộp	2000

	15mcg haemagglutinin				
25	Mỗi liều 1.5ml chứa : Rotavirus ở người sống giảm độc lực, chủng RIX4414 ≥ 106.0 CCID50	≥ 106.0 CCID50	N1	Hộp	300
26	Mỗi 2ml dung dịch chứa: Rotavirus G1 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G2 human-bovine reassortant $\geq 2,8$ triệu IU; Rotavirus G3 human-bovine reassortant $\geq 2,2$ triệu IU; Rotavirus G4 human-bovine reassortant $\geq 2,0$ triệu IU; Rotavirus P1A(8) human-bovine reassortant $\geq 2,3$ triệu IU	2ml	N1	Tuýp	150
27	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA) $\geq 103,3$ PFU	$\geq 103,3$ PFU	N1	Hộp	300
28	Oka/Merck varicella virus, live, attenuated ≥ 1350 PFU/lọ	≥ 1350 PFU/lọ	N1	Hộp	300
29	Mỗi liều 0,5ml chứa: Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Típ 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, Típ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Típ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae típ b (Polyribosylribitol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg	0.5ml/ liều	N1	Hộp	600
30	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5 ml chứa: virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M): 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3,25 IU/ 0.5ml/ liều	N1	Lọ	200
31	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg);	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 μ g (mcg);	N5	Hộp	150

	Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tổ Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tổ Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tổ Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tổ Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)			
32	Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt) chứa: A/Victoria/4897/2022 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Victoria/4897/2022, IVR-238) 15mcg HA; A/Darwin/9/2021 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Darwin/9/2021, IVR-228) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021 - sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA; B/Phuket/3073/2013 – sử dụng chủng tương đương (B/Phuket/3073/2013, chủng hoang dã) 15mcg HA	0.5ml/ liều	N1	Hộp	300
33	Mỗi liều 0,5ml vắc xin tái tổ hợp tứ giá phòng vi rút HPV ở người tít 6, 11,16,18 chứa protein L1 HPV6 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg protein L1 HPV 16: 40mcg protein L1 HPV18: 20mcg	0,5ml	N1	Hộp	100
34	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV tít 6; 40mcg protein L1 HPV tít 11; 60mcg protein L1 HPV tít 16; 40mcg protein L1 HPV tít 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi tít 31,33,45,52 và 58	0.5ml	N1	Hộp	500
35	Virus Sởi sổng, giảm độc lực (chủng Schwarz); Virus Quai bị sổng, giảm độc lực (chủng RIT 4385); Virus Rubella sổng, giảm độc lực	≥ 103,0 CCID50; ≥ 103,7 CCID50; ≥ 103,0 CCID50	N1,N5	Hộp	400

	(chủng Wistar RA 27/3)				
36	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	N5	Hộp	400
37	Lọ (0.5ml): Vi-rút sởi ≥ 1.000 CCID50; Vi rút Quai bị ≥ 12.500 CCID50; Vi rút Rubella ≥ 1.000 CCID50	0.5ml	N1, N5	Lọ	200

H
 TÂM
 M
 N
 VG
 ĐNOC